TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2023/KDTM-PT
Ngày 23-5-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Dũng

Các Thẩm phán: Ông Huỳnh Văn Luật

Bà Trần Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương: Ông Trần Thị Ngọc Tuyền – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 23 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh, thương mại thụ lý số 38/2022/TLPT-KDTM ngày 27 tháng 12 năm 2022 về việc "tranh chấp hợp đồng tín dụng".

Do Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2023/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần V; trụ sở chính: 89, L, phường L, quận Đ, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Trần Khoa H, sinh năm 1996 và ông Nguyễn Thế A, sinh năm 1988; cùng địa chỉ: số 96, tầng 1, đường C, Phường S, Quận X, Thành phố Hồ Chí Minh theo văn bản ủy quyền ngày 19/5/2023, ông H và ông A có mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1; trụ sở: số 3/49, khu phố B1, phường T2, thành phố T1, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện theo pháp luật của bị đơn: Bà Nhỉn Ngọc V, sinh năm 1989; địa chỉ: ấp (nay là khu phố) T3, xã (nay là phường) B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Nhỉn Ngọc V, sinh năm 1989; địa chỉ: khu phố T3, xã (nay là phường) B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai, vắng mặt.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung bản án sơ thẩm:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, quá trình tố tụng người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 (sau đây gọi là Công ty H1) đã vay vốn tại Ngân hàng TMCP V – Chi nhánh Đ (Ngân hàng V) theo các hợp đồng cho vay hạn mức sau:

Hợp đồng cho vay hạn mức số DNI/19023 ngày 02/12/2019, hạn mức 350.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán nhựa, giấy nhám, keo 502, băng keo, vải nhám. Cụ thể từng lần nhận nợ:

+ Khế ước nhận nợ 05 số DNI/19023-05 ngày 02/10/2020, số tiền vay 98.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 21,5%/năm, quá hạn từ ngày 07/9/2021;

+ Khế ước nhận nợ 06 số DNI/19023-06 ngày 27/11/2020, số tiền vay 43.500.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 20,8%/năm, quá hạn từ ngày 07/9/2021.

Hợp đồng cho vay hạn mức số DNI/21003 ngày 05/01/2021, hạn mức 860.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh buôn bán nhựa, giấy nhám, keo 502, băng keo, vải nhám. Cụ thể từng lần nhận nợ:

+ Khế ước nhận nợ 01 số DNI/21003-01 ngày 06/01/2021, số tiền vay 590.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 15,8%/năm, quá hạn từ ngày 07/9/2021.

+ Khế ước nhận nợ 02 số DNI/21003-02 ngày 08/02/2021, số tiền vay 90.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 16,8%/năm, quá hạn từ ngày 07/9/2021.

+ Khế ước nhận nợ 03 số DNI/21003-03 ngày 17/3/2021, số tiền vay 95.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 16,8%/năm, quá hạn từ ngày 07/9/2021.

+ Khế ước nhận nợ 04 số DNI/21003-04 ngày 20/4/2021, số tiền vay 96.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 16,8%/năm, quá hạn từ ngày 07/9/2021.

+ Khế ước nhận nợ 05 số DNI/21003-05 ngày 31/5/2021, số tiền vay 214.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 16,8%/năm, quá hạn từ ngày 07/9/2021.

+ Khế ước nhận nợ 110821-2820987-ONL-2 ngày 11/8/2021, số tiền vay 198.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 16,8%/năm, quá hạn từ ngày 25/9/2021.

Khoản tín dụng cấp cho Công ty H1 được bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản cá nhân của bà Nhỉn Ngọc V theo Hợp đồng bảo lãnh số DNI/19024 ngày 02/12/2019 và Hợp đồng bảo lãnh số DNI/21003 ngày 05/01/2021.

Trong quá trình sử dụng vốn vay, Công ty H1 đã không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng V đã nhiều lần liên hệ và làm việc với Công ty H1 để yêu cầu hoàn trả nợ vay nhưng Công ty H1 có tình kéo dài thời gian nhằm trốn tránh nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng. Hiện nay, Công ty H1 còn nợ Ngân hàng V số tiền vay gốc 834.956.188 đồng và tiền lãi, phạt chậm trả tính đến ngày xét xử là 244.653.528 đồng.

Do đó, Ngân hàng V yêu cầu buộc Công ty H1 có nghĩa vụ trả số tiền vay gốc 834.956.188 đồng; tiền lãi tính đến ngày xét xử là 230.222.238 đồng và tiền phạt chậm trả là 14.431.290. Tổng cộng là 1.079.609.716 đồng.

Ngoài ra, Công ty H1 có nghĩa vụ tiếp tục phải chịu tiền lãi theo các hợp đồng tín dụng đã lý kết nêu trên cho tới khi thanh toán xong toán bộ số nợ cho Ngân hàng V

Trong trường hợp Công ty H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng V, đề nghị Toà án buộc bà Nhỉn Ngọc V có nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi, phạt chậm trả theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký.

- Bị đơn Công ty H1 (do bà Nhỉn Ngọc V đại diện theo pháp luật) và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nhỉn Ngọc V trong quá trình xét xử sơ thẩm đã được Tòa án nhân dân thành phố T1 tống đạt thông báo thụ lý vụ án; Thông báo mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và các giấy triệu tập Công ty H1, bà Nhỉn Ngọc V đến Tòa án tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Tuy nhiên, Công ty H1 và bà Nhỉn Ngọc V đều vắng mặt không rõ lý do.

Bản án sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 14/9/2022, Tòa án nhân dân thành phố T1 đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1.

Buộc Công ty Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc 834.956.188 đồng và tiền lãi 230.222.238 đồng. Tổng cộng là 1.065.178.426 đồng.

Kể từ ngày 15/9/2022, Công ty Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 còn phải trả các khoản tiền lãi được tính trên số tiền dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng TMCP V và Công ty Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1.

Trường hợp Công ty Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng TMCP V thì bà Nhỉn Ngọc V có nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng TMCP V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng bảo lãnh.

2. Không chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V về việc yêu cầu Công ty Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 trả số tiền phạt chậm trả 14.431.290 đồng.

Ngày 28/4/2022, Ngân hàng TMCP V kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm buộc bị đơn phải trả khoản tiền chậm trả lãi tạm tính đến ngày 14/9/2022 là 14.431.290 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ý kiến của đại diện nguyên đơn: giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Ý kiến của đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Nhỉn Ngọc V: vắng mặt nên không có ý kiến trình bày.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Hợp đồng tín dụng trong vụ án có điều khoản về phạt vi phạm đối với việc quá hạn của hợp đồng ngoài việc chuyển sang nợ quá hạn. Như vậy, hợp đồng tín dụng các bên thỏa thuận về lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất vay trong hạn nhưng lại còn thỏa thuận về lãi phạt chậm trả đối với số tiền lãi quá hạn chưa thanh toán đúng hạn theo hợp đồng là lãi chồng lãi, phạt chồng phạt không phù hợp với nguyên tắc chỉ xử lý một lần đối với mỗi hành vi không trả nợ đúng hạn theo Điều 8, Điều 12 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao. Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, lời trình bày của đương sự, ý kiến của Viện Kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Trong quá trình xét xử sơ thẩm, người đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty H1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là bà Nhỉn Ngọc V vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng. Tại các Biên bản không thực hiện được việc cấp, tống đạt, thông báo văn bản tố tụng do Tòa án cấp sơ thẩm lập kèm theo thủ tục niêm yết (bút lục 108, 112, 123, 131, 135, 160) đều xác định bà Nhỉn Ngọc V đã chuyển đi nơi khác (đi khỏi địa chỉ thường trú tại khu phố T3, phường B, thành phố L, tỉnh Đồng Nai), chưa xác định được bà V ở đâu, không biết thời gian bà V trở về và chính quyền địa phương từ chối tống đạt thay Tòa án. Trường hợp này có căn cứ xác định là việc niêm yết công khai không bảo đảm cho người được cấp, tống đạt, thông báo nhận được thông tin về văn bản cần tống đạt. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng các văn bản tố tụng cho bà Nhỉn Ngọc V là chưa phù hợp quy định tại Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quá trình xét xử phúc thẩm, Tòa án đã tiến hành thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng cho bà Nhỉn Ngọc V theo Điều 180 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng bà V vẫn không liên hệ đến Tòa án để giải quyết theo quy định nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt Công ty H1 và bà Nhỉn Ngọc V theo khoản 3 Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự mà không cần thiết phải hủy bản án sơ thẩm.

[2] Nguyên đơn kháng cáo yêu cầu bị đơn Công ty H1 phải trả khoản tiền phạt chậm trả lãi tạm tính đến ngày 14/9/2022 là 14.431.290 đồng, số tiền lãi này được tính trên dư lãi bị đơn chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả và mức lãi suất theo thỏa thuận tại các hợp đồng cho vay hạn mức mà các bên đã ký kết. Vì vậy, các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo nên có hiệu lực pháp luật theo khoản 2 Điều 282 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Xét kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Bởi lẽ, khoản tiền lãi chậm trả đã được các đương sự thỏa thuận tại điểm c, d khoản 6 Điều 2, điểm c khoản 9 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số DNI/19023 ngày 02/12/2019 và điểm 2.4, 2.5 khoản 2 Điều 2 và điểm 3.5 khoản 3 Điều 2 của Hợp đồng cho vay hạn mức số DNI/21003 ngày 05/01/2021, cụ thể bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Thỏa thuận của các đương sự hoàn toàn phù hợp với điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng nhà nước: *"b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi theo quy định tại điểm a khoản này, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và*

khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả" và khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao quy định: *"2. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm, lãi, lãi suất trong hợp đồng tín dụng xác lập kể từ ngày 01-01-2017 được xác định như sau: a) Lãi trên nợ gốc, lãi trên nợ gốc quá hạn được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này. b) Trường hợp khách hàng không trả đúng hạn tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng, thì phải trả lãi chậm trả theo mức lãi suất do tổ chức tín dụng và khách hàng thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất giới hạn mà pháp luật quy định tương ứng với thời gian chậm trả lãi trên nợ gốc trong hạn."*.

[3] Từ những cơ sở nhận định nêu trên, xét yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận. Quan điểm của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Dương là chưa phù hợp.

[4] Về án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: do kháng cáo của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 147, khoản 2 Điều 148, khoản 2 Điều 308, Điều 309 và Điều 313 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ điểm b khoản 4 Điều 13 Thông tư số 39/2016/TT-NHNN ngày 30/12/2016 của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về hoạt động cho vay của tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài đối với khách hàng.

Căn cứ khoản 2 Điều 8 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

2. Các phần Bản án sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 14/9/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T1 đã tuyên không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần V về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng đối với Công ty H1.

Buộc Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền nợ gốc 834.956.188 đồng và tiền lãi 230.222.238 đồng. Tổng cộng là 1.065.178.426

(một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu một trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm hai mươi sáu) đồng.

Kể từ ngày 15/9/2022, Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 còn phải trả các khoản tiền lãi được tính trên số tiền dư nợ gốc thực tế theo mức lãi suất các bên thoả thuận trong các Hợp đồng tín dụng, khế ước nhận nợ giữa Ngân hàng Thương mại cổ phần V và Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1.

Trường hợp Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V thì bà Nhỉn Ngọc V có nghĩa vụ trả nợ thay cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi theo các Hợp đồng bảo lãnh.

3. Sửa phần Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 32/2022/KDTM-ST ngày 14 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương như sau:

3.1 Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại cổ phần V về việc buộc Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 phải thanh toán số tiền chậm trả lãi là 14.431.290 (mười bốn triệu bốn trăm ba mươi mốt nghìn hai trăm chín mươi) đồng.

3.2 Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 phải chịu 45.287.002 (bốn mươi lăm triệu hai trăm tám mươi bảy nghìn không trăm lẽ hai) đồng.

Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 20.103.927 (hai mươi triệu một trăm lẽ ba nghìn chín trăm hai mươi bảy) đồng theo Biên lai thu tiền số 0002351 ngày 22/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3.3 Về chi phí tố tụng khác: Công ty TNHH một thành viên Thương mại Sản xuất H1 phải chịu 2.346.000đồng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng để hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V.

4. Án phí kinh doanh, thương mại phúc thẩm: Ngân hàng Thương mại cổ phần V không phải chịu, hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần V số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tiền số 0003401 ngày 07/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

Trường hợp bản án được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật

Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- Chi cục THADS thành phố T1;
- TAND thành phố T1;
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu: Hồ sơ, Tổ H;

Tòa K.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)

Phan Trí Dũng